

Bản án số: **71/2018/DS-ST**
Ngày 28 /8/2018
V/v " Tranh chấp
hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE, TỈNH BẾN TRE

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Thuở.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Thanh Tuấn
2. Ông Trần Hữu Tân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Đình Thảo

Trong ngày 28 tháng 8 năm 2018 tại Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 134/2018/TLST-DS ngày 02 tháng 7 năm 2018 về "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 84/2018/QĐXX-ST ngày 10 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

1.*Nguyên đơn:* Chị Trần Thị Thanh H, sinh năm 1980.

Địa chỉ: 577F, khu phố 2, phường Phú K, thành phố B, tỉnh B.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Huỳnh Minh T, sinh năm 1979

Địa chỉ: ấp 3, xã Hưng P, huyện G, tỉnh B.

2.*Bị đơn:* Ông Trương Văn U, sinh năm 1955

Địa chỉ: 556C, khu phố 1, phường Phú K, thành phố B, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn trình bày:

Ngày 19 tháng 7 năm 2014 ông Trương Văn U có hỏi mượn chị H số tiền 42.000.000 đồng mục đích để lo thủ tục giấy tờ cho con đi nước ngoài, ông U có giao chị H giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để làm tin. Ông U hứa trong vòng 03 tháng sẽ trả tiền lại cho chị nhưng đến 14 giờ cùng ngày ông U hỏi chị H mượn lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để vay tiền ngân hàng, ông hứa sẽ trả tiền cho chị trong vòng 02 tuần sau khi vay tiền ngân hàng. Tuy nhiên quá thời gian đã hứa nhưng ông U không trả tiền, ông U nói không vay tiền ngân hàng được. Ông hứa nửa tháng con gái ông gửi tiền về sẽ trả hết tiền nhưng đợi mãi vẫn không thấy ông U trả. Chị H đã nhiều lần đến yêu cầu ông U trả tiền nhưng ông cố tình lánh mặt

không trả. Vì vậy, chị H yêu cầu ông U phải trả số tiền vốn gốc là 42.000.000 đồng và tính lãi theo lãi suất quy định pháp luật từ ngày 20/10/2014 đến ngày 19/5/2018 (43 tháng). Chị H chỉ yêu cầu ông U trả nợ không yêu cầu vợ ông U có trách nhiệm trả.

Theo bản tự khai, các lời khai có trong hồ sơ vụ án bị đơn trình bày:

Ông thừa nhận có vay của chị H số tiền 42.000.000 đồng, vay 02 lần. Lần thứ nhất vay 12.000.000 đồng, lãi suất 15.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày. Lần thứ hai ông cầm sổ đỏ cho chị H để lấy số tiền 30 triệu đồng, lãi suất 8.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày. Ông đã trả cho chị H số tiền 12 triệu đồng tiền vay và 26.000.000 đồng tiền cầm sổ đỏ nhưng không có làm biên nhận, ông chỉ đồng ý trả số tiền còn nợ là 4.000.000 đồng và lãi của 15 ngày là 3.600.000 đồng (lãi suất 240.000 đồng/ngày của 30 triệu đồng). Ông vay tiền và cầm sổ đỏ để xài cá nhân không liên quan đến vợ ông là Vũ Thị H, sinh năm 1958, hiện cùng địa chỉ với ông. Ông không có giấy tờ gì để chứng minh việc ông đã trả tiền cho chị H, vì khi trả chỉ có ông và chị H. Ông cũng không có yêu cầu phản tố.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị Trần Thị Thanh H khởi kiện yêu cầu ông Trương Văn U trả số tiền mượn là 42.000.000 đồng nên xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự.

[2] Chị Trần Thị Thanh H chỉ yêu cầu ông Trương Văn U, không yêu cầu vợ ông U là bà Vũ Thị H thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên xác định nguyên đơn là chị H, bị đơn là ông Trương Văn U.

[3] Theo biên nhận mượn tiền ngày 19/7/2014 do chị H cung cấp cho Tòa án thì chị Trần Thị Thanh H có cho ông Trương Văn U vay số tiền 42.000.000 đồng, biên nhận này có chữ ký của ông Trương Văn U. Ông U thừa nhận có vay của chị H số tiền 42.000.000 đồng, chữ ký trong biên nhận là của ông. Tuy nhiên, ông U cho rằng ông vay của chị H hai lần, lần thứ nhất ông không nhớ ngày vay, ông vay số tiền 12.000.000 đồng, lãi suất 15.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, khi vay không có làm giấy. Lần thứ hai ngày 19/7/2014, ông vay chị H 30.000.000 đồng, lãi suất 8.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, chị H viết giấy cả hai lần vay là 42.000.000 đồng, ông có đưa sổ đỏ của ông cho H, sau đó ông mượn lại sổ để đi vay tiền. Ông đã trả cho chị H đầy đủ vốn và lãi của số tiền 12.000.000 đồng, đối với số tiền 30.000.000 đồng ông đã trả cho chị H 26.000.000 đồng, ông chỉ còn nợ chị H 4.000.000 đồng vốn và lãi của 15 ngày của số tiền 30.000.000 đồng là 3.600.000 đồng (lãi suất 240.000 đồng/ngày x 15 ngày). Các lần trả vốn và lãi cho chị H đều không có làm biên nhận hay giấy tờ nào khác nên ông chỉ đồng ý trả cho chị H số tiền 7.600.000 đồng. Ngược lại, chị H không thừa nhận lời trình bày của ông U, ông U vay chị một lần số tiền 42.000.000 đồng, ông U vẫn còn nợ chị số tiền 42.000.000 đồng. Sở dĩ đến nay chị mới khởi kiện ông U do chị đến đòi nhiều lần nhưng ông U trốn nợ không có nhà, chị chưa có đủ điều kiện để khởi kiện ông U. Ông U cũng thừa nhận ông đã đi làm Bù Đăng, Bình Phước vài tháng mới về nhà một lần nên lời trình bày của chị H là có cơ sở.

[4]Nhận thấy, ông Trương Văn U thừa nhận có vay của chị H số tiền 42.000.000 đồng nhưng ông không có chứng cứ chứng minh đã trả số tiền này cho chị H, chị H không thừa nhận đã nhận tiền của ông U nên lời trình bày của ông U là không có cơ sở nên ông phải trả cho chị H số tiền 42.000.000 đồng.

[5]Về lãi suất, ông U cho rằng ông vay số tiền 12.000.000 đồng, lãi suất 15.000.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, số tiền 30.000.000 đồng, lãi suất 8.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày nhưng chị H cho rằng chị không có nhận lãi của ông U và chị yêu cầu ông U phải trả lãi theo lãi suất quy định của nhà nước từ ngày 20/10/2014 đến 19/5/2018. Xét việc ông U trả lãi cho chị H nhưng không có chứng cứ chứng minh nên yêu cầu của chị H là có cơ sở, cụ thể lãi được tính như sau:

$42.000.000 \text{ đồng} \times 0,75\% \times 42 \text{ tháng} \times 29 \text{ ngày} = 13.534.500 \text{ đồng}.$

Tổng số tiền ông U phải trả cho chị H là: 42.000.000 đồng + 13.534.500 đồng = 53.534.500 đồng.

[6] Vụ án này chị H chỉ yêu cầu ông U trả nợ không yêu cầu vợ ông U là bà Vũ Thị H trả nợ, bà H ông U cũng thừa nhận phần tiền ông U vay là nợ riêng của ông U nên ghi nhận yêu cầu của chị H.

[7]Về án phí: Do chị H được chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện nên ông U phải chịu án phí DSST có giá ngạch là: 53.534.500 đồng $\times$ 5% = 2.776.725 đồng nhưng do ông U là người cao tuổi (sinh năm 1955) nên được miễn toàn bộ án phí.

Hoàn trả cho chị H số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 463, 466 , 468 Bộ luật dân sự; điểm đ khoản 1 điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

1.Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Thanh H.

Buộc ông Trương Văn U trả cho chị Trần Thị Thanh H số tiền là 53.534.500 đồng, trong đó tiền vốn gốc là 42.000.000 đồng, tiền lãi là 13.534.500 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

2.Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 2.776.725 đồng, ông Trương Văn U phải chịu nhưng do ông là người cao tuổi nên được miễn toàn bộ án phí.

Hoàn trả cho chị Trần Thị Thanh H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.050.000 đ (Một triệu không trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu số 0017257 ngày 29/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng kiểm tra nghiệp vụ
và THA -TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND Tp. Bến Tre;
- Chi cục THADS Tp. Bến Tre;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Thanh Thuở